

Số: 138/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu
thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2022;

Căn cứ công văn số 1426-CV/TU ngày 15/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kịch bản tăng trưởng năm 2022 và quý I/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Căn cứ quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 12/TTr-SKHĐT ngày 10/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2022 như sau:

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với những khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen. Dịch Covid-19 còn có thể phức tạp, nguy hiểm hơn với sự xuất hiện biến chủng mới, có khả năng làm giảm hiệu quả của vắc-xin. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên nhưng sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút; nền kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ chậm phục hồi, tăng trưởng thấp nếu không sớm kiểm soát được dịch bệnh để mở cửa trở lại nền kinh tế trong khi

đó thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ luôn tiềm ẩn. Kinh tế của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, với việc quan tâm đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ; ứng dụng khoa học - công nghệ trên các lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp và kinh tế tư nhân phát triển sẽ tiếp tục thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, là động lực thực hiện các mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội; tuy nhiên, năm 2022 vẫn là năm tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức đặt ra như: cơ sở hạ tầng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; quy mô và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực còn nhỏ bé; đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn; thời tiết, dịch bệnh còn có thể có những diễn biến phức tạp.

Để phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 đã đề ra, nhất là chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 7,2%. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

I. YÊU CẦU TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương:

- Bám sát các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022, số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Kết luận số 412-KL/TU ngày 06/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; các quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 và 79/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh, trong đó chủ động rà soát, sắp xếp lại thứ tự ưu tiên, lựa chọn các nhiệm vụ trọng yếu cần chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện; xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho từng ngành cụ thể, tạo động lực phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng chung.

- Các cấp, các ngành, địa phương, nhất là người đứng đầu phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm, kiên quyết không để xảy ra tình trạng trì trệ trong thực hiện nhiệm vụ; phát động các phong trào thi đua khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực, địa bàn theo dõi, góp phần hoàn thành mục tiêu và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được HĐND tỉnh quyết nghị; đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và trong từng ngành, lĩnh vực để nâng cao năng lực nội tại và tính tự chủ của nền kinh tế, tăng cường khả năng chống chịu và thích ứng tốt hơn với các biến động.

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thường xuyên tiến độ triển khai thực hiện các giải pháp; phát hiện các vấn đề, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những nội dung phát sinh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NĂM 2022

1. Mục tiêu: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2022 tăng 7,2% so với năm 2021; trong đó tốc độ tăng trưởng quý I năm 2022 ước đạt 4%.

2. Chỉ tiêu kinh tế- xã hội chủ yếu năm 2022: Các cấp, các ngành triển khai quyết liệt, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng mục tiêu, định

hướng đã giao; xây dựng kế hoạch chi tiết có lộ trình thực hiện theo từng quý và phân công trách nhiệm đến từng tổ chức, cá nhân liên quan; phấn đấu hoàn thành toàn diện vượt mức 28 chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh và quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh (Có phụ lục 01,02 kèm theo).

3. Kịch bản tăng trưởng năm 2022 theo từng quý

TT	Chỉ tiêu	Kịch bản năm 2022						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	GRDP (%)	4,0	5,5	5,0	10,1	6,9	7,9	7,2
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5,5	6,2	5,9	7,4	6,5	3,9	5,5
2	Công nghiệp và Xây dựng	1,3	2,0	1,8	11,5	6,2	10,8	7,5
-	<i>Công nghiệp</i>	3,5	1,6	2,4	11,2	6,8	13,7	8,5
-	<i>Xây dựng</i>	1,2	2,3	1,5	12,8	4,7	6,8	5,4
3	Dịch vụ	4,5	6,7	5,6	12,8	8,1	10,5	8,8
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3,0	3,5	3,4	3,3	3,4	3,6	3,5

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Kiên định thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận số 412-KL/TU ngày 06/12/2021 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2021; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2022; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh; xác định việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2022 là nhiệm vụ của tất cả các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, nỗ lực và quyết tâm tối đa để thực hiện mục tiêu đã đề ra. Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19; kiên định thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả; bám sát tình hình, thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế với các giải pháp phù hợp, khả thi, thích ứng với bối cảnh dịch bệnh có thể kéo dài; tập trung thực hiện 03 trọng tâm: Khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; bảo đảm an sinh xã hội; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2022; phấn đấu hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2022 theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố gắn với trách nhiệm người đứng đầu để nâng cao trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu.

3. Tập trung thực hiện hiệu quả các Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện các Nghị quyết, Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

thuộc các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

4. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương phòng, chống dịch Covid-19, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao ý thức phòng, chống dịch, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác; tiếp tục củng cố trạng thái bình thường mới, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, vừa sẵn sàng phòng chống dịch trong tất cả các ngành, lĩnh vực và tại tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng. Truyền thông nâng cao ý thức người dân về thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh theo nguyên tắc “5K + vắc xin, thuốc + biện pháp điều trị phù hợp + công nghệ + đề cao ý thức người dân”. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động phòng, chống dịch, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19, nhất là việc tiêm mũi thứ 3 và tiêm cho trẻ em từ 5-11 tuổi theo chỉ đạo, hướng dẫn, đảm bảo an toàn, khoa học, hiệu quả. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị kết hợp giữa thuốc đông y, tây y trong điều trị bệnh nhân Covid-19, giảm tối đa các trường hợp chuyển tuyến, tử vong, thực hiện công tác điều trị cho bệnh nhân Covid-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế một cách hiệu quả. Chủ động, sẵn sàng bảo đảm công tác y tế phòng, chống dịch Covid-19 theo từng cấp độ dịch; tổ chức tiếp nhận, phân bổ, sử dụng thuốc điều trị để phục vụ công tác điều trị người bệnh Covid-19 theo đúng quy định của Bộ Y tế.

Chủ động, linh hoạt, vận dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và kịp thời hỗ trợ các đối tượng theo quy định. Thường xuyên rà soát, cập nhật các hướng dẫn thích ứng an toàn trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu, nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất, không để đứt gãy chuỗi cung ứng.

5. Tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các Chương trình hành động của Chính phủ và của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Tiếp tục rà soát, xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả các quy hoạch, đề án, kế hoạch, các cơ chế, chính sách đảm bảo kịp thời, phù hợp, đúng định hướng các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; làm cơ sở, động lực thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thành nhiệm vụ lập Quy hoạch

tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển.

Tập trung thực hiện các đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong tỉnh hình mới; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích các khu vực kinh tế tư nhân, nguồn lực trong tỉnh tham gia mạng lưới hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính đơn giản, dễ hiểu, dễ tra cứu, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch chung xây dựng; các thông tin về ngân sách, mời thầu... để nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp dễ tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát các cơ chế, chính sách hiện hành, các quy trình, thủ tục hành chính; kịp thời phát hiện, sửa đổi, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, cắt giảm các quy trình, thủ tục hành chính rườm rà, giảm thiểu thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính được ban hành có chi phí tuân thủ thấp nhất, góp phần tạo điều kiện cho đời sống sinh hoạt và hoạt động kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Nghiên cứu, rà soát, bổ sung, cụ thể hóa và ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể theo chủ trương của Đảng và các quy định của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn toàn tỉnh, nòng cốt là phát triển hợp tác xã.

6. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, bảo đảm tính bền vững, an ninh, an toàn tài chính. Tập trung cao cho công tác quản lý thu, chống thất thu, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước, giảm tỷ lệ nợ thuế. Điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát trong và ngoài nước để dành nguồn lực cho công tác phòng chống dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, dự phòng cho các trường hợp bất khả kháng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, trên cơ sở tính đúng, tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình.

Quản lý hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và dư nợ theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đẩy mạnh công tác huy động vốn, phát triển đa dạng các sản phẩm tín dụng ngân hàng phù hợp

với nhu cầu sản xuất kinh doanh, tiêu dùng chính đáng của người dân và doanh nghiệp với lãi suất hợp lý; thực hiện tốt các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, bền vững đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát nợ xấu; ưu tiên tập trung vốn cho các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế tập thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu...; phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, đảm bảo an ninh an toàn công nghệ thông tin và hệ thống thanh toán; tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19.

Điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung, không dàn trải, bám sát vào khả năng cân đối các nguồn vốn, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy giữa các vùng, các huyện, thành phố, khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của từng dự án, kịp thời điều chỉnh kế hoạch từ dự án giải ngân chậm hoặc không còn nhu cầu sang dự án có nhu cầu bổ sung vốn, các dự án đã có khối lượng hoàn thành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và giải ngân thanh toán.

Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội tạo động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững; làm tốt công tác thu hút đầu tư, xã hội hóa đầu tư, tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư; ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nông nghiệp, đầu tư các nhà máy chế biến nông sản, công nghệ cao; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La; năng lượng tái tạo; phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển các khu đô thị...

7. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, sản phẩm

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa lớn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước chuyển đổi số trong sản xuất nông sản, thủy sản chủ lực của tỉnh; tiếp tục duy trì, phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm nông sản, thủy sản an toàn và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ các nhà máy chế biến gắn với phát triển các sản phẩm lợi thế, chủ lực của từng huyện, thành phố. Xây dựng và cập nhật kế hoạch sản xuất nông nghiệp thích ứng với những diễn biến bất lợi của thời tiết; diễn biến thị trường, dịch bệnh hại cây trồng, vật nuôi và dịch Covid-19. Tiếp tục thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống; xây dựng các xã đạt tiêu chí nông thôn mới, tiêu chí nông thôn mới nâng cao, xây dựng vườn kiêu mẫu, bản nông thôn kiêu mẫu.

Khai thác, phát huy tiềm năng và nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp thế mạnh của địa phương gắn với xây dựng thương hiệu, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu. Chú trọng phát triển công

nghiệp chế biến nông sản gắn với khai thác tiềm năng các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp địa phương; hỗ trợ, tạo điều kiện để các chủ đầu tư khai thác hiệu quả công suất các nhà máy chế biến lớn trên địa bàn. Đẩy mạnh thực hiện công tác khuyến công, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, các ngành nghề thủ công truyền thống. Tăng cường quản lý quy hoạch, đầu tư, vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tiếp tục triển khai dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, đảm bảo tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện sinh hoạt an toàn đạt kế hoạch đề ra.

Phát triển đa dạng thị trường thương mại, áp dụng công nghệ thông tin phát triển thương mại điện tử; tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới chợ, siêu thị trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh, tham gia các sàn thương mại điện tử nhằm ứng phó với tác động của dịch Covid-19 cũng như nắm bắt xu hướng toàn cầu hóa trong thương mại. Đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm nông sản của tỉnh có tiềm năng, lợi thế về điều kiện sản xuất, khí hậu, thổ nhưỡng...; tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, bảo quản các sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu; tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) mà Việt Nam đã ký kết để khai thác thị trường mới.

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch Sơn La theo hướng trọng tâm, trọng điểm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng khách du lịch quốc tế và nội địa cả về số lượng và chất lượng. Huy động, thu hút các nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật du lịch vào các khu du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, các điểm du lịch cộng đồng... Đổi mới công tác quảng bá tuyên truyền sản phẩm du lịch áp dụng công nghệ 4.0, từng bước hình thành và phát triển du lịch thông minh. Triển khai kế hoạch phát động chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”; phát triển mạnh du lịch theo hướng bền vững, lấy sản phẩm, dịch vụ du lịch chất lượng cao, độc đáo để thúc đẩy sự quan tâm, thu hút và giữ chân du khách.

Tổ chức khoa học mang lưới vận tải đường bộ, đường thủy tạo thành một mạng lưới vận tải thông suốt, cơ động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động vận tải, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, thúc đẩy thị trường vận tải có tính xã hội hóa, tính cạnh tranh cao. Nâng cao chất lượng, khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia; chú trọng phát triển các tuyến vận tải lên các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; gắn với thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19.

8. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức, ngăn chặn đầy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong và ý thức phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

9. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân, làm tốt công tác y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội; tiếp tục triển khai hỗ trợ kịp thời, có hiệu quả đối với người lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm giới thiệu việc làm; đa dạng hoá các hoạt động giao dịch việc làm; tiếp tục phát huy và nâng cao năng lực hoạt động sản giao dịch việc làm, góp phần tích cực kết nối cung - cầu lao động.

10. Tập trung tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh; chú trọng tuyên truyền về khát vọng phát triển đất nước, cổ vũ những mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt. Thông tin đầy đủ, kịp thời các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp; đa dạng hóa hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật. Đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, lợi dụng mạng xã hội chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

11. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công tác đặc biệt của Chủ tịch UBND tỉnh về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 (*thành lập theo quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh*); thành lập tổ công tác đơn đốc giải ngân vốn đầu tư công gắn với thu ngân sách năm 2022 trên địa bàn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quyết định này và các Nghị quyết, Kết luận, chương trình hành động của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các Quyết định, Chỉ thị, Thông báo, Kết luận của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện kịch bản tăng trưởng và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2022. Hằng quý tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trước ngày 20 của tháng cuối quý.

2. Giao Sở Công thương tham mưu với UBND tỉnh phối hợp với Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam dự báo hoạt động sản xuất và phân phối điện của các nhà máy thủy điện lớn trên địa bàn để đảm bảo thực hiện hiệu quả kịch bản tăng trưởng của tỉnh.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh đơn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện kịch bản tăng trưởng năm 2022. Định kỳ hàng quý tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25 của tháng cuối quý.

4. Giao Cục Thống kê tỉnh phối hợp chặt chẽ với các Vụ của Tổng cục Thống kê để cung cấp thông tin số liệu về các lĩnh vực (*theo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm*) để phân tích, đánh giá, thông báo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh đảm bảo kịp thời, chính xác; báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hài).

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh



PHỤ LỤC 01

MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	ƯTH năm 2021	Năm 2022					Đơn vị chủ trì
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ								
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP	%	2,2	7,2	4,0	5,0	6,9	7,2	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố (Cục Thống kê tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp báo cáo)
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	45,2	47				47	
3	Cơ cấu kinh tế	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	26,73	25,0				25,0	
		- CN - XD	26,63	29,1				29,1	
		- Dịch vụ	39,48	39,0				39,0	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	7,16	6,9				6,9		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	17.669	22.000	5.060	13.200	15.500	22.000	
5	Giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu	Triệu USD	161,2	174,0	34,0	73,0	120,0	174,0	Sở Công thương
6	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4.250	4.550	1.135	2.270	3.405	4.550	Sở Tài chính
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	14,85	15,16	14,85	14,85	14,85	15,16	Sở Xây dựng
8	Tổng lượt khách du lịch	Triệu lượt	910	3.200	570	1.270	2.120	3.200	Sở VH-TT&DL
	Doanh thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng	850	2.800	440	990	1.770	2.800	
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI								
9	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	66,86	64,9	66,37	65,88	65,39	64,9	Sở LĐ-TB&XH
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	57,0	59,0	57,0	57,5	58,0	59,0	Sở LĐ-TB&XH
11	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	3,77	3,74	3,76	3,76	3,75	3,74	Sở LĐ-TB&XH
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%	21,66	19,74	21,66	21,66	21,66	18,66	Sở LĐ-TB&XH
13	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	8,53	8,55	8,50	8,53	8,53	8,55	Sở Y tế
14	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	29,2	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6	Sở Y tế
15	Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế	%	90	95,9	91,4	92,8	94,4	95,9	Sở Y tế
16	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	54	60	54	54	54	60	Sở NN&PTNT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	ƯTH năm 2021	Năm 2022					Đơn vị chủ trì
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm	
17	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng điện sinh hoạt an toàn	%	92,8	94,1	92,8	92,8	93,2	94,1	Sở Công thương
18	Cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	96,3	94,4				94,4	Công an tỉnh
	Khu dân cư, xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	95,59	88,8				90	
19	Tỷ lệ người sử dụng internet	%	43,3	44,88	43,7	44,09	44,48	44,88	Sở Thông tin và truyền thông
20	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	55,3	56,6				56,6	Sở Giáo dục và Đào tạo
21	Tỷ lệ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hoá"	%	72	70,5				71	Sở VH-TT&DL
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG								
22	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97	97,5	97	97	97	97,5	Sở NN&PTNT
23	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	68	68,5	68	68	68	68,5	Sở NN&PTNT
24	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	93,36	93,52	93,4	93,44	93,48	93,52	Sở Xây dựng
25	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	90,9	91,3				91,3	Sở Tài nguyên và Môi trường
26	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	80,0	82,0				82,0	Sở Tài nguyên và Môi trường
27	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được xử lý	%	56	57				57	Sở Tài nguyên và Môi trường
28	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định	%	46,4	47,3	46,4	46,4	46,4	47,3	Sở NN&PTNT



PHỤ LỤC 02

MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ NĂM 2022

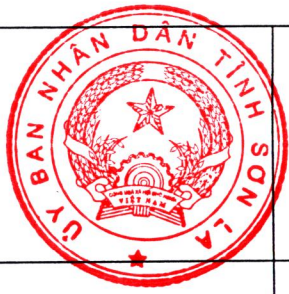
(Kèm theo quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	ƯTH năm 2021	Năm 2022						Mục tiêu cả năm 2022 so với ƯTH năm 2021 (%)	Ghi chú
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm			
I	MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐIỀU HÀNH										
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4.250	4.550	1.135	2.270	3.405	4.550	107,1		
2	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	14.075	14.979	3.745	7.489	11.234	14.979	106,4		
3	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	17.669	22.000	5.060	13.200	15.500	22.000	124,5		
II	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN										
1	Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu										
a)	Lúa chiêm xuân										
-	Diện tích	Ha	12.838	12.772	10.345	12.772	12.772	12.772	99,5		
-	Năng suất	Tạ/ha	59,50	60,70		60,70	60,70	60,70			
-	Sản lượng	Tấn	76.345	77.567		77.567	77.567	77.567	101,6		
b)	Đậu tương										
-	Diện tích	Ha	403	721	267,00	267	721	721	178,9		
-	Năng suất	Tạ/ha	11,2	13		11,50		13			
-	Sản lượng	Tấn	453	929		307	307	929	205,1		
c)	Mía										
-	Diện tích	Ha	9.283	9.683	9.283	9.683	9.683	9.683	104,3		
-	Năng suất	Tạ/ha	669	694			694	694			

TT	Chi tiêu	Đơn vị	ƯTH năm 2021	Năm 2022						Ghi chú
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với ƯTH năm 2021 (%)	
-	Sản lượng	Tấn	621.286	672.822	349.868	658.655	672.097	672.822	108,3	
d)	Cà phê nhân									
-	Diện tích	Ha	17.864	18.000	17.864	18.000	18.000	18.000	100,8	
-	Diện tích kinh doanh	Ha	15.452	15.949				15.949	103,2	
-	Năng suất	Tạ/ha	17,3	17,5				17,5		
-	Sản lượng	Tấn	26.729	27.911				27.911	104,4	
e)	Chè									
-	Diện tích	Ha	5.844	5.897	5.844	5.844	5.897	5.897	100,9	
-	Diện tích kinh doanh	Ha	4.781	5.069				5.069	106,0	
-	Năng suất	Tạ/ha	104,7	108,30				108,00		
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	50.046	54.897	350	18.116	43.918	54.897	109,7	
f)	Cây cao su									
-	Diện tích	Ha	5.879	5.879	5.879	5.879	5.879	5.879	100,0	
-	Diện tích kinh doanh	Ha	3.929	4.960				4.960	126,2	
-	Sản lượng	Tấn	4.700	5.091	356	977	3.106	5.091	108,3	
g)	Cây ăn quả và cây sơn tra									
	Tổng diện tích	ha	82.805	84.679	82.805	83.435	84.400	84.679	102,3	
	Tổng sản lượng	Tấn	392.122	436.956	8.739	174.782	327.717	436.956	111,4	
h)	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu									
	- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	75.423	83.089	23.265	40.714	61.486	83.089	110,2	
	- Sản lượng sữa tươi	Tấn	96.100	105.150	25.236	54.678	82.017	105.150	109,4	
2	Lâm nghiệp									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	U' TH năm 2021	Năm 2022						Ghi chú
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với U' TH năm 2021 (%)	
-	Trồng cây phân tán	%	221	336	67	202	336	336	152,0	
3	Thủy sản									
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	2.769,00	2.798,00	2.769,00	2.790,00	2.798,00	2.798,00	101,0	
-	Số lồng nuôi trồng thủy sản	Lồng	8.830,00	9.983,00	8.830,00	9.500,00	9.983,00	9.983,00	113,1	
-	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	8.550	9.283	2.280	4.550	8.075	9.283	108,6	
	Trong đó:									
	+ Sản lượng khai thác thủy sản	Tấn	1.264	1.348	297	620	1.092	1.348	106,6	
	+ Sản lượng nuôi trồng	Tấn	7.286	7.935	1.984	3.930	6.983	7.935	108,9	
III	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP									
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP so với cùng kỳ (tính theo năm gốc 2010)	%	97,0	108,5	104,0	106,0	108,0	108,5		
	Khai khoáng	%	95,0	105,0	107,0	105,0	105,0	105,0		
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	108,0	108,0	107,0	109,0	110,0	108,0		
	Sản xuất điện và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	%	91,0	109,0	103,0	104,5	105,0	109,0		
	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%	108,0	107,5	105,0	104,0	106,0	107,5		
2	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu									
-	Xi măng	1000 Tấn	490	520	100	250	350	520	106,1	
-	Đá xây dựng	Nghìn m3	1.200	1.300	300	550	850	1.300	108,3	
-	Đường kính	Tấn	66.000	74.000	45.000	52.000	52.000	74.000	112,1	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	U' TH năm 2021	Năm 2022						Ghi chú
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với U' TH năm 2021 (%)	
	- Chè sơ chế	Tấn	15.000	16.000	800	4.300	7.300	16.000	106,7	
	- Sữa tươi tiệt trùng	Triệu lít	70,0	80,0	18,0	37,0	58,0	80,0	114,3	
	- Nước máy thương phẩm	Triệu m3	12	13	3	6	9	13	107,4	
	- Điện sản xuất	Triệu Kwh	11.000	12.000	2.000	5.000	9.200	12.000	109,1	
	- Tinh bột sắn	Tấn	45.000	50.000	15.000	33.000	34.000	50.000	111,1	
	- Sản lượng sản phẩm rau quả chế biến	Tấn	3.000	20.000	500	5.500	11.500	20.000	666,7	
IV	DỊCH VỤ									
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (Theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	23.000	25.300	6.400	12.350	18.720	25.300	110,0	
2	Dịch vụ vận tải									
-	Số lượt hành khách vận chuyển	Nghìn HK	2.831	4.809	962	1.683	3.126	4.809	169,9	
-	Số lượt hành khách luân chuyển	Triệu HK.Km	338	580	116	203	377	580	171,6	
-	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	4.735	5.308	1.062	1.858	3.450	5.308	112,1	
-	Khối lượng hàng hóa luân chuyển	Triệu tấn.Km	547	619	124	217	402	619	113,2	
V	XUẤT, NHẬP KHẨU									
1	Xuất khẩu									
1.1	Mặt hàng phi nông sản	Triệu USD	10,5	12,0	2,0	5,0	9,0	12,0	114,2	
	- Xi măng	"	9,0	10,0	1,6	4,0	7,5	10,0	111,1	
	- Điện thương phẩm	"	0,6	0,6	0,1	0,2	0,5	0,6	100,0	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	ƯTH năm 2021	Năm 2022						Ghi chú
				Kế hoạch	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm	Mục tiêu cả năm 2022 so với ƯTH năm 2021 (%)	
	- Sản phẩm dệt may	"	0,4	0,5	0,2	0,4	0,4	0,5	107,1	
1.2	Mặt hàng nông sản	Triệu USD	150,7	162,0	34,0	70,0	112,0	162,5	107,8	
	- Chè	"	22,2	27,1	4,5	13,0	21,0	27,1	122,1	
	- Cà phê	"	71,1	74,5	21,0	37,0	45,0	74,5	104,8	
	- Sản phẩm sắn	"	27,0	27,0	7,5	12,5	18,0	27,0	100,0	
	- Đường mía	"	4,5	3,4	0,7	2,0	2,5	3,4	74,8	
	- Xoài	"	2,9	4,6		4,6	4,6	4,6	160,2	
	- Nhãn	"	20,2	20,9			19,0	20,9	103,7	
	- Chanh leo	"	0,1	0,2	0,0	0,1	0,2	0,2	237,5	
	- Chuối	"	0,9	1,0	0,2	0,5	0,8	1,0	110,8	
2	Giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu	Triệu USD	161,2	174,0	36,0	75,0	121,0	174,0	107,9	
	<i>Trong đó: Giá trị hàng hóa nông sản, thực phẩm tham gia xuất khẩu</i>	<i>Triệu USD</i>	<i>150,7</i>	<i>162,0</i>	<i>34,0</i>	<i>70,0</i>	<i>112,0</i>	<i>162,0</i>	<i>107,5</i>	
3	Giá trị hàng hóa nhập khẩu	Triệu USD	20,0	22,0	3,8	8,6	13,8	22,0	110,0	